Số: 193/KH-UBND
Thời gian ký: 15/11/2024 22:12:47 +07:00

PHỤ LỤC

NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỈNH BÌNH ĐỊNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	**CÁC SỞ, BAN, NGÀNH**							
I	**Sở Kế hoạch và Đầu tư**							
1	Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm; thường xuyên rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu để kịp thời tham mưu, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp thích hợp nhằm đạt được mục tiêu Quy hoạch đề ra, đạt tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt từ 8,5% trở lên.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
2	Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm phù hợp định hướng phát triển của Quy hoạch tỉnh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
3	Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, kêu gọi thu hút đầu tư vào tỉnh. Thường xuyên rà soát, bổ sung các dự án kêu gọi đầu tư mới, nhất là các dự án lớn, có tính lan tỏa cao, làm động lực cho sự phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
4	Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Luật Quy hoạch. Chủ trì, tham mưu việc rà	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5	

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	soát, cập nhật, điều chỉnh các nội dung Quy hoạch tỉnh sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được phê duyệt.						năm	
5	Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển kinh tế ban đêm	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2030	Năm 2024, 2025 tham mưu ban hành Đề án	Định kỳ hằng năm, 5 năm	
6	Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2025, 2026 tham mưu ban hành Đề án	Định kỳ hằng năm, 5 năm	
7	Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi xanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2025, 2026 tham mưu ban hành Đề án	Định kỳ hằng năm, 5 năm	
8	Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh vào hệ thống cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia theo quy định của pháp luật	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2024			
9	Tham mưu danh mục các dự án trọng tâm, trọng điểm theo thứ tự ưu tiên để triển khai trong giai đoạn 2025-2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2025			
II	**Sở Tài chính**							

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định; dự án phi lợi nhuận trên địa bàn tỉnh.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	Tháng 8/2024	Tháng 12/2024			
2	Triển khai các giải pháp phấn đấu đến năm 2030 tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đạt 30-35 nghìn tỷ đồng/năm.	Sở Tài chính	Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh; Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
3	Triển khai các giải pháp phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng trên 10,4%/năm trong giai đoạn 2021-2030.	Sở Tài chính	Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh; Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
III	**Sở Xây dựng**							
1	Triển khai các giải pháp thúc đẩy tốc độ tăng trưởng ngành xây dựng đạt trên 10,7%/năm trong giai đoạn 2021-2030, đến năm 2030 đạt tỷ lệ đô thị hóa trên 60%, tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt trên 95%.	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
2	Phối hợp với các sở, ngành, địa phương rà soát, điều chỉnh các quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu.	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, BQL khu kinh tế và các địa phương				Định kỳ 3 năm, 5 năm	
3	Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thành phố Quy Nhơn đến năm 2050.	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, thành phố Quy	Tháng 1/2025	Tháng 12/2025		Giai đoạn 5	

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			Nhơn				năm	
4	Triển khai Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Bình Định giai đoạn 2026-2035 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 75/2019/QĐ-UBND ngày 21/12/2019, Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Bình Định giai đoạn 2026-2030.	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, địa phương	Tháng 1/2025	Tháng 12/2025	Năm 2025 điều chỉnh Chương trình, kế hoạch	Định kỳ hằng năm, 5 năm	
5	Phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai lập quy hoạch chi tiết mạng lưới đường sắt đô thị trên địa bàn tỉnh theo Quy hoạch tỉnh được phê duyệt.	Sở Xây dựng	Sở GTVT và các sở, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2030 và sau 2030			
6	Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành, địa phương thu hút, triển khai thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực ngành quản lý	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở XD và các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
IV	**Sở Giao thông vận tải**							
1	Xây dựng Đề án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh	Sở Giao thông Vận tải	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2025		Định kỳ hằng năm, 5 năm	
2	Phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh làm việc (hoặc có văn bản kiến nghị) với Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành trung ương về kế hoạch đầu tư xây dựng hệ thống cảng biển, cảng cạn trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch được duyệt.	Bộ Giao thông Vận tải	Sở GTVT và các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2030 và sau 2030			
3	Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành địa phương thu hút, triển khai thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực ngành quản lý	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở GTVT và các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5	

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
							năm	
4	Triển khai thực hiện các dự án trọng tâm							
-	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.636, đoạn qua xã Phước Quang, huyện Tuy Phước	Sở Giao thông Vận tải	Sở KHĐT, TC và các sở, ngành, địa phương	Năm 2026	Năm 2030			
-	Nâng cấp để đảm bảo giao thông, thông suốt không bị ách tắc giao thông vào mùa mưa lũ trên tuyến đường ĐT.629	Sở Giao thông Vận tải	Sở KHĐT, TC và các sở, ngành, địa phương	Năm 2026	Năm 2030			
-	Sửa chữa, gia cường và thay thế các cầu yếu nhằm đảm bảo đồng bộ hóa tải trọng trên các tuyến đường tỉnh	Sở Giao thông Vận tải	Sở KHĐT, TC và các sở, ngành, địa phương	Năm 2026	Năm 2030			
V	**Sở Công Thương**							
1	Triển khai các giải pháp phát triển ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, quy mô lớn. Tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp đạt trên 13%/năm trong giai đoạn 2021-2030. Đến năm 2030 100% hộ dân được sử dụng điện	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
2	Triển khai các giải pháp phát triển ngành dịch vụ đạt tốc độ tăng trưởng trên 8,1%/năm trong giai đoạn 2021-2030.	Sở Công Thương	Sở Du lịch, VHTT, GTVT và các sở, ngành liên quan				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
3	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2030	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2024			
4	Xây dựng Kế hoạch triển khai Phương án phát triển chợ, trung tâm thương mại, siêu thị	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương	Quý IV năm 2024	Quý III năm 2025			
5	Quy hoạch Trung tâm hội chợ triển lãm cấp vùng tại thành phố Quy Nhơn	Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND thành phố	Quý IV năm 2024	Quý IV năm 2025			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			Quy Nhơn					
6	Xây dựng Phương án phát triển hệ thống dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quy mô cấp tỉnh tích hợp, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương	Quý IV năm 2024	Quý II năm 2025			
7	Xây dựng Chương trình Khuyến công tỉnh Bình Định giai đoạn 2026-2030	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ 5 năm	
8	Xây dựng và triển khai thực hiện đề án di dời các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp Quang Trung, Nhơn Bình (thành phố Quy Nhơn) và cụm công nghiệp Gò Đá Trắng (thị xã An Nhơn).	Sở Công Thương	Ban GPMB, Thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn và các sở, ngành liên quan	Năm 2024	Năm 2025			
9	Phối hợp với Chủ đầu tư các công trình điện thực hiện đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và đường dây 500kV, 220kV, 110kV, 22kV; các đường dây hạ thế	Chủ đầu tư các công trình điện	Sở Công Thương; Các Sở, ban ngành và địa phương có liên quan	Năm 2024	Năm 2030			
10	Xây dựng Đề án đầu tư phát triển hệ thống logistics tỉnh Bình Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quy hoạch đã được phê duyệt.	Sở Công Thương	Bộ Công Thương và các sở, ngành, địa phương	Quý IV năm 2024	Năm 2025			
11	Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành địa phương thu hút, triển khai thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực ngành quản lý, hoàn thành đưa vào sử dụng tất cả các công trình thủy điện, điện gió, lưới điện chuyển tải đã được quy hoạch và phê duyệt đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Công Thương và các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
12	Phối hợp với các sở ngành, đơn vị có liên quan hỗ trợ các địa phương thực hiện Quy trình quản lý sản xuất, tiêu thụ nông sản Bình Định.	Các địa phương	Sở Công Thương và các sở, ngành, đơn vị có liên quan				Nhiệm vụ thường xuyên	

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
VI	**Sở Tài nguyên và Môi trường**							
1	Lập Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) tỉnh Bình Định	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2022	Năm 2024			
2	Thành lập Khu dự trữ thiên nhiên Đầm Thị Nại	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2026			
3	Lập Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2027			
4	Thực hiện phân vùng môi trường tỉnh Bình Định	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2030			
5	Triển khai các giải pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt, đến năm 2030 thu gom xử lý trên 95% chất thải rắn sinh hoạt đô thị và trên 90% chất thải rắn sinh hoạt nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
6	Xây dựng Kế hoạch phát triển quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
7	Tổ chức thực hiện khoanh vùng các mỏ tài nguyên khoáng sản theo quy định; xây dựng lộ trình cấp phép, đấu giá, khai thác các mỏ nhằm đáp ứng yêu cầu phát	Sở Tài nguyên và Môi	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5	

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	triển của tỉnh trong từng thời kỳ	trường					năm	
8	Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành địa phương thu hút, triển khai thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực ngành quản lý	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở TNMT và các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
VII	**Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**							
1	Tham mưu giải pháp phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản dựa trên công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, chuyển từ số lượng sang chất lượng; nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp; nâng cấp chuỗi giá trị nông nghiệp thông qua thu hút các nhà đầu tư lớn vào các khâu trong chuỗi giá trị từ nuôi trồng, sản xuất đến chế biến, phân phối. Tốc độ tăng trưởng ngành nông lâm thủy sản đạt từ 2,8- 3,2%/năm.							
-	Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng; "chuẩn hóa" các cây trồng đạt tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, liên kết sản xuất để nâng cao giá trị nông sản; hình thành các vùng sản xuất cây trồng chủ lực và cây ăn quả tập trung theo hướng liên kết các địa phương tạo thành vùng nguyên liệu lớn để thực hiện liên kết sản xuất, tiêu thụ, chế biến.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
-	Phát triển chăn nuôi đối với 03 loại vật nuôi chủ lực của tỉnh là bò, lợn, gà; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trang trại tập trung theo hướng an toàn sinh học, ứng dụng công nghệ cao gắn với bảo vệ môi trường.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
-	Chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản có ảnh hưởng lớn đến nguồn lợi, môi trường, hệ sinh thái sang các nghề khai thác hải sản có ảnh hưởng ít hơn hoặc chuyển sang các ngành nghề khác; đẩy mạnh nuôi trồng thủy	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	sản theo hướng thâm canh tập trung, ứng dụng công nghệ cao đảm bảo hiệu quả, bền vững, đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi, đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường sinh thái; đầu tư phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất tôm xã Mỹ Thành huyện Phù Mỹ.							
-	Phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế đối với diện tích rừng sản xuất, khuyến khích trồng rừng sản xuất cây gỗ lớn gắn với chứng chỉ rừng theo hướng phát triển bền vững. Ưu tiên chuyển hóa từ trồng rừng sản xuất gỗ nhỏ sang trồng rừng sản xuất gỗ lớn; chuyển đổi đất rừng sản xuất kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả có giá trị cao hơn.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
-	Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành địa phương thu hút, triển khai thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
2	Tham mưu các giải pháp phát triển nông thôn mới, đến năm 2030 có 90% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó trên 80% được sử dụng nước sạch. Duy trì độ che phủ rừng ở mức 58%.							
-	Rà soát, điều chỉnh và xây dựng hệ thống bản đồ, số liệu quy hoạch lâm nghiệp theo cơ cấu 3 loại rừng tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức điều tra hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định; xây dựng phương án chuyển loại rừng đối với chủ rừng là tổ chức trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2027			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
-	Hoàn thành các công trình dự án cấp nước nông thôn đã đầu tư giai đoạn 2021-2025; đầu tư xây dựng mới, nâng cấp mở rộng một số công trình dự án giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2030			
-	Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2026	Năm 2030			
-	Theo dõi, thống kê, đánh giá, giám sát diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định nhằm duy trì tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2025 - 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
3	Xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án							
-	Xây dựng đề án vùng trồng lúa có năng suất, chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2025			
-	Xây dựng Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông Lại Giang - Tam Quan.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở: KHĐT; Tài chính, Xây dựng; GTVT; UBND các huyện, thị xã: Hoài Ân, An Lão, Hoài Nhơn	Năm 2024	Năm 2025			
-	Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2030, tầm nhìn 2045 trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2030			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
-	Triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2024-2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, địa phương ven biển	Năm 2024	Năm 2030			
-	Triển khai thực hiện Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2025, định hướng đến năm 2035.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2030			
-	Triển khai thực hiện chiến lược Quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2030			
-	Rà soát, tổng hợp danh sách các làng nghề gây ô nhiễm môi trường, đề xuất quy hoạch vào khu sản xuất tập trung, không bố trí trong khu dân cư; ứng dụng công nghệ sạch và hiện đại, đảm bảo thân thiện với môi trường. Phát triển làng nghề nông nghiệp gắn với du lịch	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2030			
-	Thành lập Vườn Quốc gia An Toàn; Khu bảo tồn biển vịnh Quy Nhơn; Khu bảo vệ cảnh quan Quy Hòa - Ghềnh Ráng; Khu bảo vệ cảnh quan Núi Bà; Khu bảo vệ cảnh quan Vườn Cam Nguyễn Huệ; Hệ thống vườn thực vật tại tiểu khu 36, Khu dự trữ thiên nhiên An Toàn, An Lão; xây dựng Lâm viên Quy Nhơn trên núi Bà Hỏa; Hệ thống trung tâm cứu hộ động vật hoang dã tại phân khu dịch vụ - hành chính của Khu dự trữ thiên nhiên An Toàn; Hành lang đa dạng sinh học kết nối Khu bảo tồn An Toàn với Khu bảo tồn Tây Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; Hành lang đa dạng sinh học kết nối Khu bảo tồn An Toàn với Khu bảo tồn Kon Chư Răng, tỉnh Gia Lai.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2030			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
-	Xây dựng Đề án tổng thể phát triển thủy sản giai đoạn 2025 - 2030 định hướng đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2026			
-	Lập Đề án an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2030, định hướng đến năm 2045.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2026			
-	Triển khai thực hiện Đề án phát triển cây trồng chủ lực và cây ăn quả tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2030			
-	Triển khai thực hiện Đề án di dời tàu thuyền neo đậu tại cảng cá Quy Nhơn và các khu vực lân cận về neo đậu tại khu vực đầm Đề Gi.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND thành phố Quy Nhơn, huyện Phù Mỹ, các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính	Năm 2025	Năm 2030			
-	Triển khai thực hiện Đề án Tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo hướng tự động hóa cho cây trồng cạn trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2030			
-	Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện các dự án: Kiên cố hệ thống thủy lợi Tân An - Đập Đá; chuyển nước từ hồ Định Bình đi hồ Hội Sơn; Hồ Suối Lớn, Suối Chiếp; nâng cấp hồ chứa nước Định Bình.	Bộ Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành, địa phương	Năm 2026	Năm 2030			
-	Triển khai thực hiện các dự án: Giảm thiểu bồi lấp cửa Tam Quan và hạn chế xói lở, khôi phục lại bãi biển Tam Quan; trục tiêu thoát lũ TX5; nâng cấp hồ Núi Một;	Sở Nông nghiệp và PTNT	BQL NN&PTNT, Sở KHĐT và các sở,	Năm 2026	Năm 2030			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	nâng cấp hệ thống đê bao, đập ngăn mặn đầm Trà Ổ, huyện Phù Mỹ; sửa chữa tràn thoát lũ, ngăn mặn Dương Thiện; sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2026-2030; trục tiêu, thoát lũ sông Bến Trễ; Đê kè sông Kôn; Kênh tiêu Sông Cái; Đập dâng Hà Thanh 2.		ngành, địa phương					
4	Tham mưu đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách mới							
-	Cơ chế hỗ trợ người chăn nuôi vaccine tiêm phòng và hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2025			
-	Chính sách hỗ trợ chi phí quản lý vận hành công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2025			
-	Chính sách hỗ trợ Di dời tàu thuyền neo đậu tại cảng cá Quy Nhơn và các khu vực lân cận về neo đậu tại khu vực đầm Đề Gi.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND thành phố Quy Nhơn, huyện Phù Mỹ, các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính	Năm 2024	Năm 2025			
VIII	**Sở Du lịch**							
1	Xây dựng Kế hoạch phát triển du lịch Bình Định giai đoạn 2025 – 2030 để thực hiện mục tiêu đến năm 2030 tổng lượt khách du lịch đạt 12 triệu khách/năm, trong đó có 2,5 triệu lượt khách quốc tế và 9,5 triệu lượt khách nội địa	Sở Du lịch	Các sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2025 xây dựng kế hoạch	Định kỳ hằng năm, 5 năm	

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Xây dựng và triển khai Đề án số hóa ngành Du Lịch	Sở Du lịch	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2030			
3	Lập Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Phương Mai và triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt	Sở Du lịch	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Sở Xây Dựng, các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	Năm 2026	Năm 2030	Năm 2026-2028 lập QH chung, năm 2029-2030 lập và triển khai Đề án		
4	Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành địa phương thu hút, triển khai thực hiện các dự án đầu tưu phát triển du lịch	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Du lịch và các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
IX	**Sở Khoa học và Công nghệ**							
1	Triển khai các giải pháp phát triển KHCN để thực hiện mục tiêu tăng trưởng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2021-2030 8,3%/năm.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
2	Nghiên cứu đề xuất xây dựng và triển khai dự án Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng Khoa học Công nghệ vũ trụ theo chiến lược phát triển Khoa học Công nghệ vũ trụ Việt Nam đến năm 2030 của Chính phủ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở KHĐT, TC và các sở, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2030			
3	Nghiên cứu đề xuất xây dựng và triển khai dự án Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở KHĐT, TC và các sở, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2030			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
4	Xây dựng và triển khai dự án "Xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ sinh học"	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở KHĐT, TC và các sở, ngành, địa phương	Năm 2026	Năm 2030			
5	Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành địa phương thu hút các dự án khoa học công nghệ của tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở KHCN và các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
X	**Sở Nội vụ**							
1	Tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh Bình Định lần thứ VIII năm 2025, thứ IX năm 2030	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương				Định kỳ 5 năm	
2	Tham mưu ban hành Chỉ thị phát động thi đua thực hiện thắng lợi phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn 5 năm (2026 - 2030)	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương				Định kỳ 5 năm, hằng năm	
3	Tổ chức trao tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân có quá trình cống hiến, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Bình Định	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương				Định kỳ hàng năm	
4	Tổ chức tôn vinh, biểu dương điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực tại Hội nghị Tổng kết công tác thi đua, khen thưởng hằng năm và tại Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh Bình Định lần thứ VIII (giai đoạn 2020 -2025), Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh Bình Định lần thứ IX (giai đoạn 2025 - 2030)	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương				Định kỳ hàng năm	
5	Tổ chức làm việc, cung cấp thông tin về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đối với các tổ chức tôn giáo; đồng thời nắm bắt những phản ánh về hoạt động tôn giáo của	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hàng năm	

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, gắn kết mối quan hệ giữa chính quyền và các tổ chức tôn giáo trên địa bàn tỉnh trong giải quyết công việc gắn với sự đồng hành vì sự phát triển đất nước và hạnh phúc nhân dân.							
6	Tham mưu, đề xuất giải quyết dứt điểm các đơn thư khiếu nại, xin giao đất mở rộng, khôi phục lại các cơ sở thờ tự cũ của các tổ chức tôn giáo; phấn đấu giải quyết dứt điểm các trường hợp này trong năm 2025.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2025			
7	Xây dựng Quy định đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện dân chủ ở các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Tháng 1/2025	Tháng 5/2025			
8	Xây dựng và thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chuyên sâu giai đoạn 2025-2030	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2025		Năm 2026 trở đi: Hằng năm đánh giá kết quả thực hiện Đề án	
9	Xây dựng và thực hiện Chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Định đi đào tạo, bồi dưỡng	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2025			
10	Xây dựng và thực hiện Chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Bình Định giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2025			
11	Xây dựng Đề án Kho lưu trữ số tỉnh Bình Định	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông; Các cơ quan liên quan	Năm 2025	Năm 2026			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
12	Rà soát, thực hiện việc sắp xếp các các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2027			
13	Thực hiện kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, trách nhiệm thực thi công vụ	Sở Nội vụ	Thanh tra tỉnh	Năm 2025	Năm 2030		Định kỳ hàng năm	
14	Xây dựng Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XXI Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV về cải cách hành chính giai đoạn 2025-2030	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh; Các sở, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2030			
15	Xây dựng và triển khai kế hoạch số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử giai đoạn 2026-2030	Sở Nội vụ	Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2026	Năm 2030	2026 - 2028: Thực hiện các quy trình, thủ tục chuẩn bị đầu tư. 2028-2030: Thực hiện thi công		
16	Xây dựng Kế hoạch cải thiện, nâng cao kết quả Chỉ số PAPI, Chỉ số SIPAS, Chỉ số PAR INDEX và Chỉ số PCI của tỉnh Bình Định hằng năm	Sở Nội vụ	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Các sở, ngành, địa phương	Năm 2026			Định kỳ hàng năm	
17	Xây dựng và thực hiện Chính sách thu hút, ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ tỉnh Bình Định giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nội vụ	Sở Y tế và các sở, ngành, địa	Năm 2026	Năm 2026			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			phương					
18	Rà soát cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu	Sở Nội vụ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2026	Năm 2027			
19	Xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2026	Theo Kế hoạch của Chính phủ			
XI	**Sở Ngoại vụ**							
1	Phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương chủ động thực hiện hội nhập quốc tế và tổ chức các Hội nghị đối ngoại tại tỉnh	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hàng năm	
2	Quảng bá, giới thiệu tiềm năng, lợi thế và hình ảnh của tỉnh ra nước ngoài	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành, địa phương, các cơ quan thông tấn báo chí				Định kỳ hàng năm	
3	Theo dõi đề xuất ký kết và đôn đốc thực hiện các thỏa thuận hợp tác đã ký kết với các địa phương, đối tác nước ngoài	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hàng năm	

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
4	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hội nhập quốc tế đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng trong giai đoạn hiện nay	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hàng năm	
XII	**Sở Thông tin và Truyền thông**							
1	Xây dựng và triển khai các giải pháp để thực hiện mục tiêu đến năm 2030 kinh tế số chiếm 30% GRDP tỉnh; phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông của tỉnh cơ bản đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; mạng di động 5G phủ sóng 100% dân số trên địa bàn tỉnh và các mục tiêu khác của ngành Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
2	Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thu hút các dự án đầu tư trên lĩnh vực công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ bán dẫn, Datacenter.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
3	Xây dựng và triển khai Đề án Kho dữ liệu số thông minh tỉnh Bình Định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2026			
4	Xây dựng Trung tâm Chuyển đổi số và Trung tâm dữ liệu đa mục tiêu cấp vùng của Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Năm 2030			
5	Xây dựng và triển khai Đề án phát triển ngành Công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2025-2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Tập đoàn FPT và các sở, ngành, địa phương liên quan	Năm 2025	Năm 2030			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
XIII	**Sở Y tế**							
1	Xây dựng và triển khai các giải pháp để thực hiện mục tiêu phát triển ngành y tế, phấn đấu: tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 97% trở lên; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân dưới 5,5%; đạt từ 43 giường bệnh kế hoạch trở lên, 11 bác sỹ, 2 dược sỹ đại học, 28 điều dưỡng/vạn dân.	Sở Y tế	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
2	Xây dựng và triển khai thực hiện đề án phát triển Bệnh viện đa khoa tỉnh trở thành Bệnh viện đa khoa tỉnh hoàn chỉnh đảm nhận chức năng bệnh viện cấp vùng	Sở Y tế	Sở KHĐT, Tài chính, Xây dựng, Nội vụ				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
3	Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành địa phương thu hút các dự án xã hội hóa lĩnh vực y tế	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Y tế và các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
4	Triển khai thực hiện Đề án đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, bổ sung thiết bị y tế cho các cơ sở y tế phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Sở TC, KHĐT và các sở, ngành, địa phương	Năm 2026	Năm 2030			
5	Triển khai thực hiện các dự án trọng điểm							
-	Cung cấp trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Sở Y tế	Sở KHĐT và các đơn vị liên quan	Năm 2020	Năm 2025			
-	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y tế	Sở KHĐT và các đơn vị liên quan	Năm 2025	Năm 2030			
-	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Sở Y tế	Sở KHĐT và các đơn vị liên quan	Năm 2026	Năm 2030			
-	Bệnh viện Mắt Bình Định	Sở Y tế	Sở KHĐT và các đơn vị liên quan	Năm 2026	Năm 2030			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
-	Bệnh viện chuyên khoa (Lão/Ung bướu/Tim mạch)	Sở Y tế	Sở KHĐT và các đơn vị liên quan	Năm 2026	Năm 2030			
-	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Sở Y tế	Sở KHĐT và các đơn vị liên quan	Năm 2026	Năm 2030			
-	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm	Sở Y tế	Sở KHĐT và các đơn vị liên quan	Năm 2026	Năm 2030			
XIV	**Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**							
1	Xây dựng và triển khai các giải pháp để thực hiện mục tiêu đến năm 2030 tỷ lệ nghèo đa chiều giảm còn 2%; tỷ lệ lao động có việc làm trên tổng số lao động của tỉnh đạt 97,9%; tỷ lệ lao động qua đào tạo và bồi dưỡng nghề đạt 76%; tỷ lệ lao động được đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ chiếm 40%.	Sở Lao động - Thương binh và xã hội	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2030		Định kỳ hằng năm, 5 năm	
2	Rà soát, đánh giá hoạt động các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề và đề xuất việc sắp xếp, giải thể, bảo đảm tinh gọn, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt đồng	Sở Lao động - Thương binh và xã hội	Sở Nội vụ, TC, GDĐT và các địa phương	Năm 2025	Năm 2025			
3	Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành địa phương thu hút các dự án xã hội hóa thuộc lĩnh vực Lao động - Thương binh và xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở LĐTBXH và các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
4	Triển khai thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm							

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
-	Xây dựng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn - Cơ sở 2	Sở Lao động - Thương binh và xã hội	Sở KHĐT và các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2027			
-	Xây dựng Cơ sở Cai nghiện ma túy	Sở Lao động - Thương binh và xã hội	Sở KHĐT và các sở, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2030			
-	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Bình Định	Sở Lao động - Thương binh và xã hội	Sở KHĐT và các sở, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2030			
-	Xây mới Trường dạy nghề từ trung cấp trở lên ở phía Bắc tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và xã hội	Sở KHĐT và các sở, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2030			
-	Xây dựng Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội Bình Định - Cơ sở 2	Sở Lao động - Thương binh và xã hội	Sở KHĐT và các sở, ngành, địa phương	Năm 2026	Năm 2030			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
XV	**Sở Giáo dục và Đào tạo**							
1	Xây dựng và triển khai các giải pháp để thực hiện mục tiêu đến năm 2030 toàn tỉnh có trên 75% số trường mầm non; trên 90% số trường tiểu học, trên 95% số trường trung học cơ sở và trên 60% số trường trung học phổ thông đạt trường chuẩn quốc gia.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
2	Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành địa phương thu hút, triển khai thực hiện các dự án xã hội hóa thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở GD&ĐT và các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
3	Xây dựng triển khai thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2026-2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở TC, KHĐT và các sở, ngành, địa phương	Năm 2026	Năm 2030			
4	Triển khai thực hiện các dự án trọng điểm							
-	Xây dựng mới Trường THPT Bùi Thị Xuân	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KHĐT và các đơn vị liên quan	Năm 2025	Năm 2026			
-	Xây dựng Trường THPT chuyên chất lượng cao	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KHĐT và các đơn vị liên quan	Năm 2026	Năm 2030			
-	Xây dựng Trường THPT khu vực Diêm Vân	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KHĐT và các đơn vị liên quan	Năm 2026	Năm 2030			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
XVI	**Sở Văn hóa và Thể thao**							
1	Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Văn hoá và Thể thao	Các sở, ban, ngành của tỉnh và các địa phương có liên quan.				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
2	Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển các ngành công nghiệp văn hoá trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, phấn đấu đến năm 2030, các ngành công nghiệp văn hoá phát triển một cách bền vững, đóng góp khoảng 3% GDP, ngành du lịch văn hoá chiếm 15-20% doanh thu từ du lịch	Sở Văn hoá và Thể thao	Các sở, ban, ngành của tỉnh và các địa phương có liên quan.				Định kỳ hằng năm	
3	Thực hiện Chương trình số hóa di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030	Sở Văn hoá và Thể thao	Các sở, ban, ngành của tỉnh và các địa phương có liên quan.				Định kỳ hằng năm	
4	Triển khai thực hiện Chiến lược Phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030.	Sở Văn hoá và Thể thao	Các sở, ban, ngành của tỉnh và các địa phương có liên quan.				Định kỳ hằng năm	
5	Triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030	Sở Văn hoá và Thể thao	Các sở, ban, ngành của tỉnh và các địa phương có liên quan.				Định kỳ hằng năm	

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
6	Thực hiện Đề án Bảo tồn và phát huy Võ cổ truyền Bình Định giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2030 và Đề án Phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Bình Định đến năm 2026 và định hướng đến năm 2030	Sở Văn hoá và Thể thao	Các sở, ban, ngành của tỉnh và các địa phương có liên quan.				Định kỳ hằng năm	
7	Thực hiện Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Văn hoá và Thể thao	Các sở, ban, ngành của tỉnh và các địa phương có liên quan.				Định kỳ hằng năm	
8	Xây dựng và thực hiện Đề án phát triển Quy Nhơn trở thành trung tâm văn hóa phía Nam của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ	Thành phố Quy Nhơn	Sở VHTT và các sở, ban, ngành				Định kỳ hằng năm	
9	Triển khai thực hiện Đề án Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2030	Sở Văn hoá và Thể thao	Các sở, ban, ngành của tỉnh và các địa phương có liên quan.	Năm 2024	Năm 2030			
10	Thực hiện Đề án "Đào tạo và truyền nghề tạo nguồn nhân lực cho Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh Bình Định, giai đoạn 2025- 2030".	Sở Văn hoá và Thể thao	Các sở, ban, ngành của tỉnh và các địa phương có liên quan.	Năm 2025	Năm 2030			
11	Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành, địa phương thu hút các dự án xã hội hóa thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thảo	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở VHTT và các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
12	Triển khai thực hiện các dự án trọng điểm							
-	Nâng cấp cơ sở vật chất các thiết chế văn hóa cấp tỉnh: Trung tâm Văn hoá tỉnh Bình Định, Thư viện tỉnh, Nhà hát nghệ thuật truyền thống tỉnh, Bảo tàng tỉnh…	Sở Văn hoá và Thể thao	Sở KHĐT, các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2030			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
-	Xây dựng hạ tầng, cảnh quan Khu di tích lịch sử Đền thờ Tây Sơn Tam Kiệt	Sở Văn hoá và Thể thao	Bộ VHTTDL, Cục di sản văn hóa, huyện Tây Sơn	Năm 2025	Năm 2027			
-	Tu bổ, tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt Tháp Chăm Dương Long và các Tháp chăm khác theo Kế hoạch	Sở Văn hoá và Thể thao	Bộ VHTTDL, Cục di sản văn hóa, các Sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2028			
-	Xây mới Khu Liên hợp thể thao tỉnh (bao gồm cả Trung tâm Võ thuật cổ truyền)	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở KHĐT, các sở, ngành, thành phố Quy Nhơn	Năm 2025	Năm 2035	Năm 2025-2030 thực hiện giai đoạn 1; Năm 2030-2035 thực hiện giai đoạn 2		
-	Tu bổ, tôn tạo Khu di tích Thành Hoàng Đế, xây dựng Đền thờ Hoàng đế Thái đức Nguyễn Nhạc và Đàn nam Giao	Sở Văn hóa và Thể thao	Bộ VHTTDL, Cục di sản văn hóa, Sở KHĐT, Các sở, ban, ngành, thị xã An Nhơn	Năm 2026	Năm 2030			
-	Rà soát quy hoạch khu vực Sân vận động Quy Nhơn và tổ chức triển khai thực hiện sau khi quy hoạch được phê duyệt	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở KHĐT, thành phố Quy Nhơn	Năm 2026	Năm 2030			
XVII	**BCH Quân sự tỉnh**							
1	Phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham gia thẩm	BCH QS	Các sở, ngành,				Định kỳ	

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	định về mặt quốc phòng các dự án, đề án, đồ án, quy hoạch…	tỉnh	địa phương				hằng năm, 5 năm	
2	Triển khai thực hiện các dự án							
-	Cơ sở Huấn luyện Dự bị động viên tỉnh Bình Định	BCH QS tỉnh	Sở KHĐT và các đơn vị liên quan	Năm 2021	Năm 2026			
-	Hải đội dân quân thường trực	BCH QS tỉnh	Sở KHĐT và các đơn vị liên quan	Năm 2023	năm 2025			
XVIII	**Công an tỉnh**							
1	Phối hợp với các sở, ngành, địa phương thẩm định, kiểm tra về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn phòng cháy, chữa cháy cho các công trình, dự án	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
2	Phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham gia thẩm định về mặt an ninh các dự án, đề án, đồ án, quy hoạch…	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
3	Thực hiện dự án Nhà làm việc khối an ninh, xây dựng lực lượng và Hội trường thuộc Công an tỉnh Bình Định.	Công an tỉnh	Sở KHĐT và các đơn vị liên quan	Năm 2023	Năm 2028			
XIX	**BQL Khu kinh tế**							
1	Lập, trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nhơn Hội.	BQL Khu kinh tế	Sở Xây dựng và các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2025			
2	Quy hoạch hạ tầng Khu trung tâm hành chính của tỉnh tại KKT Nhơn Hội	BQL Khu kinh tế	Sở KH&ĐT và các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Năm 2026			
3	Triển khai xây dựng Khu công nghiệp Long Mỹ giai đoạn 2	BQL Khu kinh tế	Thành phố Quy Nhơn và các sở,	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025-2026		

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			ngành liên quan			trình TTCP chấp thuận chủ trương đầu tư		
4	Triển khai xây dựng Khu công nghiệp Phù Mỹ	BQL Khu kinh tế	Huyện Phù Mỹ và các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2024-2025 trình TTCP chấp thuận chủ trương đầu tư		
5	Triển khai xây dựng Khu công nghiệp Cát Trinh	BQL Khu kinh tế	Huyện Phù Cát và các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2024-2025 trình TTCP chấp thuận chủ trương đầu tư		
6	Triển khai xây dựng Khu công nghiệp Hoài Mỹ	BQL Khu kinh tế	Thị xã Hoài Nhơn và các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Năm 2027	Năm 2024-2025 trình TTCP chấp thuận chủ trương đầu tư		

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
7	Triển khai xây dựng Khu công nghiệp Bình Nghi	BQL Khu kinh tế	Huyện Tây Sơn và các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Năm 2027	Năm 2024-2025 trình TTCP chấp thuận chủ trương đầu tư		
8	Quy hoạch và xây dựng Khu công nghiệp phía Nam Quốc lộ 19	BQL Khu kinh tế	Thị xã An Nhơn và các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Năm 2028	Năm 2026-2028 trình TTCP chấp thuận chủ trương đầu tư		
9	Quy hoạch và xây dựng Khu công nghiệp Tây Giang	BQL Khu kinh tế	Huyện Tây Sơn và các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Năm 2028	Năm 2026-2028 trình TTCP chấp thuận chủ trương đầu tư		
10	Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào, khu dân cư, tái định cư phục vụ các khu công nghiệp	BQL Khu kinh tế	Sở KH&ĐT và các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Năm 2030			
11	Quy hoạch và xây dựng khu dịch vụ hậu cần Logistics thuộc Khu đô thị, dịch vụ Canh Vinh (phân khu 08), Khu kinh tế Nhơn Hội	BQL Khu kinh tế	Huyện Vân Canh và các sở, ngành liên quan	Năm 2026	Năm 2027			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
12	Quy hoạch và xây dựng Khu công nghiệp Vân Canh	BQL Khu kinh tế	Huyện Vân Canh và các sở, ngành liên quan	Năm 2026	Năm 2030	Năm 2026-2028 trình TTCP chấp thuận chủ trương đầu tư		
13	Quy hoạch và xây dựng Khu bến Nhơn Hội; Bến Cảng 1,2 Khu Kinh tế Nhơn Hội	BQL Khu kinh tế	Sở GTVT và các sở, ngành liên quan	Năm 2026	Năm 2030			
14	Xúc tiến lựa chọn các Nhà đầu tư thứ cấp vào các KCN	BQL Khu kinh tế	Sở KHĐT và các đơn vị liên quan				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
15	Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, triển khai thực hiện các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Nhơn Hội	BQL Khu kinh tế	Sở KHĐT và các đơn vị liên quan				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
16	Triển khai thực hiện các dự án trọng điểm							
-	Dự án Tuyến đường kết nối đường chuyên dụng phía Tây KKT Nhơn Hội với tuyến đường ven biển Cát Tiến – Diêm Vân	BQL Khu kinh tế	Sở KHĐT, GTVT và các sở, ngành liên quan	Năm 2023	Năm 2030	Năm 2023-2025 CBĐT, năm 2026-2030 thực hiện dự án		
-	Tuyến đường phía Đông đầm Thị Nại	BQL Khu kinh tế	Sở KHĐT, GTVT và các sở, ngành liên quan	Năm 2026	Năm 2030			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
-	Các tuyến đường kết nối Khu kinh tế Nhơn Hội	BQL Khu kinh tế	Sở KHĐT, GTVT và các sở, ngành liên quan	Năm 2026	Năm 2030			
-	Khu dân cư và tái định cư trong Khu kinh tế	BQL Khu kinh tế	Sở KHĐT và các sở, ngành liên quan	Năm 2026	Năm 2030			
-	Xây dựng Nhà máy nước Nhơn Hội	BQL Khu kinh tế	Sở KHĐT và các sở, ngành liên quan	Năm 2026	Năm 2030			
-	Đầu tư nâng cấp các Nhà máy XLNT cho các Khu đô thị, KCN thuộc KKT Nhơn Hội	BQL Khu kinh tế	Sở KHĐT và các sở, ngành liên quan	Năm 2026	Năm 2030			
XX	**BQL dự án Giao thông tỉnh**							
1	Triển khai thực hiện các dự án theo nhiệm vụ được phân công	BQL dự án Giao thông	Sở KHĐT và các sở, ngành liên quan	Năm 2026	Năm 2030			
XXI	**BQL dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**							
1	Triển khai thực hiện các dự án theo nhiệm vụ được phân công	BQL dự án NNPTNT	Sở KHĐT và các sở, ngành liên quan	Năm 2026	Năm 2030			
XXII	**BQL dự án Dân dụng và Công nghiệp**							
1	Triển khai thực hiện các dự án theo nhiệm vụ được phân công	BQL dự án DDCN	Sở KHĐT và các sở, ngành liên quan	Năm 2026	Năm 2030			
XXIII	**Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh**							
1	Triển khai thực hiện các dự án theo nhiệm vụ được phân công, phối hợp các đơn vị triển khai thực hiện công tác	Ban GPMB	Sở KHĐT và các sở, ngành liên	Năm 2026	Năm 2030			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	bồi thường GPMB các dự án của tỉnh	tỉnh	quan					
XXIV	**Ban Dân tộc**							
1	Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2030.	Ban Dân tộc	Các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
B	**CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**							
I	**Thành phố Quy Nhơn**							
1	Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thành phố Quy Nhơn đến năm 2050	Sở Xây dựng	Thành phố Quy Nhơn và các sở, ban, ngành,	Tháng 1/2025	Tháng 12/2025			
2	Lập, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030	Thành phố Quy Nhơn	Sở TNMT và các sở, ban, ngành	Năm 2025	Năm 2027			
3	Xây dựng phát triển thành phố Quy Nhơn trở thành trung tâm văn hóa phía Nam của vùng	Thành phố Quy Nhơn	Sở VHTT và các sở, ban, ngành				Định kỳ hằng năm	
4	Phát triển đô thị Quy Nhơn hiện đại về không gian, kiến trúc, khai thác tiềm năng, lợi thế đặc biệt về cảnh quan và khí hậu khu vực ven đầm Thị Nại; quy hoạch xây dựng Trung tâm hành chính mới của tỉnh tại Khu kinh tế Nhơn Hội	Thành phố Quy Nhơn	Sở XD, BQL KKT và các sở, ngành liên quan				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
5	Mở rộng CCN Bùi Thị Xuân	Thành phố Quy Nhơn	Sở Công Thương và các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2025			
6	Di dời các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong CCN Quang Trung, CCN Nhơn Bình	Thành phố Quy Nhơn	Ban GPMB, Sở Công Thương và các sở ngành có	Năm 2024	Năm 2030			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			liên quan					
7	Triển khai xây dựng Khu công nghiệp Long Mỹ giai đoạn 2	BQL Khu kinh tế	Thành phố Quy Nhơn và các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025-2026 trình TTCP chấp thuận chủ trương đầu tư		
8	Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành triển khai thực hiện các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các sở, ngành liên quan				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
9	Triển khai thực hiện các dự án trọng tâm							
-	Xây dựng mới khu nhà điều trị - nhà hành chính của Trung tâm y tế TP Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn	Sở KHĐT, Y tế và các đơn vị liên quan	Năm 2021	Năm 2025			
-	Xây dựng Hệ thống thoát nước phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn	Sở KHĐT, XD và các đơn vị liên quan	Năm 2025	Năm 2030			
II	**Thị xã An Nhơn**							
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị An Nhơn	Thị xã An Nhơn	Sở XD và các sở, ngành liên quan	Tháng 4/2024	Tháng 10/2024			
2	Phát triển thị xã An Nhơn đến năm 2025 trở thành đô thị loại III (thành phố An Nhơn)	Thị xã An Nhơn	Sở Nội vụ và các sở ngành có liên quan	Năm 2024	Năm 2025			
3	Di dời các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp Gò Đá Trắng	Thị xã An Nhơn	Sở Công Thương và các sở ngành	Năm 2024	Năm 2030			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			có liên quan					
4	Lập, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030	Thị xã An Nhơn	Sở TNMT và các sở, ban, ngành	Năm 2025	Năm 2027			
5	Mở rộng CCN Tân Đức	Thị xã An Nhơn	Sở Công Thương và các sở ngành có liên quan	Năm 2025	Năm 2027			
6	Quy hoạch và xây dựng Khu công nghiệp phía Nam Quốc lộ 19	BQL Khu kinh tế	Thị xã An Nhơn và các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Năm 2028	Năm 2026-2028 trình TTCP chấp thuận chủ trương đầu tư		
7	Quy hoạch xây dựng mới CCN Tân Nghi	Thị xã An Nhơn	Sở Công Thương và các sở ngành có liên quan	Năm 2026	Năm 2030			
8	Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành triển khai thực hiện các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn thị xã	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các sở, ngành liên quan	Năm 2024	Năm 2030		Định kỳ hằng năm, 5 năm	
9	Triển khai thực hiện các dự án trọng tâm							
-	Chợ nông sản khu vực phía Nam tại thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Thị xã An Nhơn	Sở KHĐT, Công Thương và các sở ngành có liên quan	Năm 2025	Năm 2027			
-	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Thị xã An Nhơn	Sở Y tế, Sở KHĐT và các đơn vị liên quan	Năm 2026	Năm 2030			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
-	Nhà máy nước Hồ Núi Một	Thị xã An Nhơn	Sở KHĐT, XD và các sở ngành có liên quan	Năm 2026	Năm 2030			
III	**Thị xã Hoài Nhơn**							
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị Hoài Nhơn	Thị xã Hoài Nhơn	Sở XD và các sở, ngành liên quan	Năm 2024	Năm 2025			
2	Phát triển thị xã Hoài Nhơn đến năm 2025 trở thành đô thị loại III, đến năm 2030 trở thành thành phố Hoài Nhơn	Thị xã Hoài Nhơn	Sở Nội vụ và các sở ngành có liên quan	Năm 2024	Năm 2030	Năm 2025 đạt đô thị loại III		
3	Quy hoạch xây dựng mới CCN Thành Sơn	Thị xã Hoài Nhơn	Sở Công Thương và các sở ngành có liên quan	Năm 2024	Năm 2025			
4	Quy hoạch xây dựng khu bến Hoài Nhơn	Sở Giao thông Vận tải	Sở KHĐT, Thị xã Hoài Nhơn và các đơn vị liên quan	Năm 2024	Năm 2030 và sau 2030			
5	Lập, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030	Thị xã Hoài Nhơn	Sở TNMT và các sở, ban, ngành	Năm 2025	Năm 2027			
6	Triển khai xây dựng KCN Hoài Mỹ	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Thị xã Hoài Nhơn và các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Năm 2027	Năm 2024-2025 trình TTCP chấp thuận chủ trương đầu tư		

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
7	Kêu gọi nhà đầu tư Khu du lịch sinh thái tổng hợp thảo nguyên La Vuông và Dự án đầu tư phát triển du lịch tại Hoài Hải	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thị xã Hoài Nhơn và các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Năm 2026			
8	Quy hoạch xây dựng mới các CCN Thiết Đính Bắc, Giao Hội, Mỹ An, Cự Lễ	Thị xã Hoài Nhơn	Sở Công Thương và các sở ngành có liên quan	Năm 2026	Năm 2030			
9	Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành triển khai thực hiện các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn thị xã	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các sở, ngành liên quan				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
10	Triển khai thực hiện các dự án trọng tâm							
-	Xây dựng ô chôn lấp B tại Khu xử lý chất thải rắn thị xã Hoài Nhơn	Thị xã Hoài Nhơn	Sở KHĐT, TNMT và các sở ngành có liên quan	Năm 2024	Năm 2030			
-	Thực hiện dự án Cấp nước sạch trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	Thị xã Hoài Nhơn	Sở KHĐT, NN&PTNT và các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Năm 2027			
-	Xây dựng Chợ nông sản khu vực phía Bắc tại thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Thị xã Hoài Nhơn	Sở KHĐT, Công Thương và các sở ngành có liên quan	Năm 2025	Năm 2027			
IV	**Huyện Phù Mỹ**							
1	Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ	Huyện Phù Mỹ	Sở XD và các sở, ngành liên quan	Tháng 5/2024	Tháng 11/2024			
2	Hoàn thiện Đề án thành lập thị trấn Mỹ Chánh	Huyện	Sở Nội vụ và các	Năm 2024	Năm			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
		Phù Mỹ	sở, ngành liên quan		2025			
3	Phát triển xã Mỹ Thành đến năm 2025 thành đô thị loại V	Huyện Phù Mỹ	Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan	Năm 2024	Năm 2025			
4	Quy hoạch xây dựng mới CCN Trung Hiệp, CCN Trung Thành	Huyện Phù Mỹ	Sở Công Thương và các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2025			
5	Phát triển xã Mỹ An đến năm 2030 thành đô thị loại V	Huyện Phù Mỹ	Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan	Năm 2024	Năm 2030			
6	Quy hoạch xây dựng Khu công nghiệp Phù Mỹ	BQL Khu kinh tế	Huyện Phù Mỹ và các sở, ngành liên quan	Năm 2024	Năm 2030	Năm 2024-2025 xúc tiến lựa chọn chủ đầu tư		
7	Quy hoạch xây dựng khu bến Phù Mỹ	Sở Giao thông Vận tải	Sở KHĐT, Huyện Phù Mỹ và các đơn vị liên quan	Năm 2024	Năm 2030 và sau 2030			
8	Lập, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030	Huyện Phù Mỹ	Sở TNMT và các sở, ban, ngành	Năm 2025	Năm 2027			
9	Quy hoạch xây dựng mới CCN thủy sản Mỹ Thành	Huyện Phù Mỹ	Sở Công Thương và các sở, ngành, địa phương	Năm 2026	Năm 2030			
10	Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành triển khai thực hiện các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các sở, ngành liên quan	Năm 2024	Năm 2030		Định kỳ hằng năm, 5	

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
							năm	
11	Triển khai thực hiện các dự án trọng tâm							
-	Hệ thống thoát nước thị trấn Phù Mỹ	Huyện Phù Mỹ	Sở KHĐT, XD và các sở ngành có liên quan	Năm 2025	Năm 2030			
-	Xây dựng mới 02 ô chôn lấp tại Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Phù Mỹ	Huyện Phù Mỹ	Sở KHĐT, TNMT và các sở ngành có liên quan	Năm 2025	Năm 2030			
-	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Huyện Phù Mỹ	Sở Y tế, Sở KHĐT và các đơn vị liên quan	Năm 2027	Năm 2029			
V	**Huyện Tuy Phước**							
1	Phát triển xã Phước Hoà và Phước Sơn đến năm 2025 trở thành đô thị loại V	Huyện Tuy Phước	Sở Nội vụ và các sở ngành có liên quan	Năm 2024	Năm 2025			
2	Mở rộng CCN Bình An	Huyện Tuy Phước	Sở Công Thương và các sở ngành có liên quan	Năm 2024	Năm 2030			
3	Quy hoạch xây dựng mới CCN Qui Hội	Huyện Tuy Phước	Sở Công Thương và các sở ngành có liên quan	Năm 2024	Năm 2025			
4	Xây dựng mới các cụm kho bãi, Logistic trên địa bàn	Huyện Tuy Phước	sở Công Thương và các sở ngành có liên quan	Năm 2024	Năm 2030			
5	Lập, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030	Huyện Tuy	Sở TNMT và các sở, ban, ngành	Năm 2025	Năm 2027			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
		Phước						
6	Quy hoạch xây dựng mới CCN Tây Hoàng Giang, CCN An Sơn	Huyện Tuy Phước	Sở Công Thương và các sở ngành có liên quan	Năm 2026	Năm 2030			
7	Phát triển huyện Tuy Phước đến năm 2030 trở thành đô thị loại IV (thị xã Tuy Phước)	Huyện Tuy Phước	Sở Nội vụ và các sở ngành có liên quan	Năm 2027	Năm 2030			
8	Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành triển khai thực hiện các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các sở, ngành liên quan				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
9	Triển khai thực hiện các dự án trọng tâm							
-	Xây dựng Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Phước An và Phước Thành, huyện Tuy Phước	Huyện Tuy Phước	Sở NNPTNT, KHĐT và các sở, ngành liên quan	Năm 2024	Năm 2026			
-	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Huyện Tuy Phước	Sở Y tế, Sở KHĐT và các đơn vị liên quan	Năm 2026	Năm 2028			
-	Xây dựng Tuyến đường kết nối từ nút giao ngã 5 Long Vân đến tuyến đường ĐT640	Huyện Tuy Phước	Sở GTVT, KHĐT và các sở, ngành liên quan	Năm 2026	Năm 2030			
VI	**Huyện Tây Sơn**							
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị Tây Sơn	Huyện Tây Sơn	Sở XD và các sở, ngành liên quan	Năm 2024	Năm 2024			
2	Phát triển huyện Tây Sơn đến năm 2025 trở thành đô thị loại IV, đến năm 2030 trở thành thị xã Tây Sơn	Huyện Tây Sơn	Sở Nội vụ và các sở ngành có liên quan	Năm 2024	Năm 2030	Năm 2025 trở thành đô thị loại		

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
						IV		
3	Mở rộng CCN Hóc Bợm, CCN Cầu 16, CCN Tây Xuân, CCN Tây Giang, CCN Bình Tân	Huyện Tây Sơn	Sở Công Thương và các sở ngành có liên quan	Năm 2024	Năm 2030			
4	Quy hoạch xây dựng mới CCN Nam Bình Nghi, CCN Bình Thành	Huyện Tây Sơn	Sở Công Thương và các sở ngành có liên quan	Năm 2024	Năm 2030			
5	Triển khai quy hoạch bến du thuyền để phát triển du lịch mặt nước Đập dâng Phú Phong	Huyện Tây Sơn	Sở Xây dựng và các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Năm 2026			
6	Xây dựng Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông sản đạt chuẩn phục vụ sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu	Huyện Tây Sơn	Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Năm 2026			
7	Lập, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030	Huyện Tây Sơn	Sở TNMT và các sở, ban, ngành	Năm 2025	Năm 2027			
8	Triển khai xây dựng Khu công nghiệp Bình Nghi	BQL Khu kinh tế	Huyện Tây Sơn và các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Năm 2027	Năm 2024-2025 trình TTCP chấp thuận chủ trương đầu tư		
9	Quy hoạch và xây dựng Khu công nghiệp Tây Giang	BQL Khu kinh tế	Huyện Tây Sơn và các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Năm 2028	Năm 2026-2028 trình TTCP chấp thuận		

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
						chủ trương đầu tư		
10	Xây dựng mới các cụm kho bãi, Logistic trên địa bàn	Huyện Tây Sơn	Sở Công Thương và các sở ngành có liên quan	Năm 2026	Năm 2030			
11	Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành triển khai thực hiện các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các sở, ngành liên quan				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
12	Triển khai thực hiện các dự án trọng tâm							
-	Cầu Bình Thành	Huyện Tây Sơn	Sở KHĐT, GTVT	Năm 2022	Năm 2025			
-	Cầu Hữu Giang (kết nối QL19 đi đường ĐH.26), xã Tây Giang, huyện Tây Sơn	Huyện Tây Sơn	Sở KHĐT, GTVT	Năm 2022	Năm 2025			
-	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt huyện Tây Sơn	Huyện Tây Sơn	Sở KHĐT, TNMT	Năm 2024	Năm 2025			
-	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Huyện Tây Sơn	Sở Y tế, Sở KHĐT và các đơn vị liên quan	Năm 2027	Năm 2029			
VII	**Huyện Hoài Ân**							
1	Phát triển xã Ân Tường Tây đến năm 2030 trở thành đô thị loại V	Huyện Hoài Ân	Sở Nội vụ và các sở ngành có liên quan	Năm 2024	Năm 2030			
2	Mở rộng CCN Du Tự	Huyện Hoài Ân	Sở Công Thương và các sở ngành có liên quan	Năm 2024	Năm 2025			
3	Đầu tư hoàn thiện hệ thống HTKT các CCN Dốc Truông Sỏi, Gò Bằng Du Tự	Huyện Hoài Ân	Sở Công Thương và các sở ngành	Năm 2024	Năm 2025			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			có liên quan					
4	Lập, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030	Huyện Hoài Ân	Sở TNMT và các sở, ban, ngành	Năm 2025	Năm 2027			
5	Phát triển vùng nông, lâm nghiệp làm nguyên liệu cho phát triển công nghiệp chế biến của tỉnh. phát triển các trang trại nông nghiệp kết hợp du lịch, các vùng nông nghiệp chuyên canh	Huyện Hoài Ân	Sở NN&PTNT và các sở ngành có liên quan				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
6	Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành triển khai thực hiện các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các sở, ngành liên quan				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
VIII	**Huyện An Lão**							
1	Phát triển xã An Hoà đến năm 2025 trở thành đô thị loại V (thị trấn An Hoà)	Huyện An Lão	Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan	Năm 2024	Năm 2025			
2	Lập, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030	Huyện An Lão	Sở TNMT và các sở, ban, ngành	Năm 2025	Năm 2027			
3	Mở rộng CCN Gò Cây Duối	Huyện An Lão	Sở Công Thương và các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2025			
4	Phát triển vùng nông, lâm nghiệp (vùng trồng rau ăn toàn, cây ăn quả có múi, gỗ rừng trồng…) làm nguyên liệu cho phát triển công nghiệp chế biến của tỉnh.	Huyện An Lão	Sở NNPTNT và các sở, ngành, địa phương				Định kỳ hằng năm, 5	

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
							năm	
5	Triển khai thực hiện dự án Trung tâm Y tế huyện An Lão	Huyện An Lão	Sở Y tế, Sở KHĐT và các đơn vị liên quan	Năm 2028	Năm 2030			
6	Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành triển khai thực hiện các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các sở, ngành liên quan				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
IX	**Huyện Phù Cát**							
1	Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Cát	Huyện Phù Cát	Sở XD và các sở, ngành liên quan	Tháng 6/2024	Tháng 12/2024			
2	Phát triển xã Cát Khánh đến năm 2025 trở thành đô thị loại V	Huyện Phù Cát	Sở XD và các sở, ngành liên quan	Năm 2024	Năm 2025			
3	Mở rộng CCN Cát Nhơn	Huyện Phù Cát	Sở Công Thương và các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2025			
4	Phát triển thị trấn Cát Tiến đến năm 2030 thành đô thị loại IV	Huyện Phù Cát	Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan	Năm 2024	Năm 2030			
5	Quy hoạch, từng bước xây dựng thị trấn Ngô Mây và vùng phụ cận phát triển thành đô thị sân bay, gắn với thu hút đầu tư phát triển công nghiệp sản xuất, lắp ráp điện, điện tử và công nghiệp nhẹ	Huyện Phù Cát	Sở XD, Công Thương và các sở, ngành liên quan	Năm 2024	Năm 2030			
6	Triển khai xây dựng Khu công nghiệp Cát Trinh	BQL Khu kinh tế	Huyện Phù Cát và các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2024-2025 trình TTCP chấp thuận		

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
						chủ trương đầu tư		
7	Lập, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030	Huyện Phù Cát	Sở TNMT và các sở, ban, ngành	Năm 2025	Năm 2027			
8	Phát triển xã Cát Hanh đến năm 2030 trở thành đô thị loại V	Huyện Phù Cát	Sở XD và các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Năm 2030			
9	Hình thành 01 trung tâm logistic và cảng cạn tại Cát Tân.	Huyện Phù Cát	Sở Công Thương, GTVT và các sở, ngành liên quan	Năm 2025	Năm 2030			
10	Quy hoạch xây dựng mới CCN Cát Hanh, CCN Cát Tân, CCN Cát Lâm	Huyện Phù Cát	Sở Công Thương và các sở, ngành, địa phương	Năm 2026	Năm 2030			
11	Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành triển khai thực hiện các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các sở, ngành liên quan				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
12	Triển khai thực hiện các dự án trọng tâm							
-	Nhà máy xử lý nước thải Cát Tiến	Huyện Phù Cát	Sở KHĐT, NNPTNT, các đơn vị liên quan	Năm 2026	Năm 2028			
-	Nhà máy nước Cát Khánh	Huyện Phù Cát	Sở KHĐT, NNPTNT, các đơn vị liên quan	Năm 2026	Năm 2028			
X	**Huyện Vân Canh**							
1	Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Vân Canh	Huyện	Sở XD và các sở,	Tháng	Tháng			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
		Vân Canh	ngành liên quan	4/2024	10/2024			
2	Mở rộng CCN thị trấn Vân Canh	Huyện Vân Canh	Sở Công Thương và các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2025			
3	Quy hoạch xây dựng mới CCN Canh Hiển, CCN Canh Hiệp	Huyện Vân Canh	Sở Công Thương và các sở, ngành, địa phương	Năm 2024	Năm 2025			
4	Phát triển xã Canh Vinh đến năm 2030 trở thành đô thị loại V (đô thị Canh Vinh)	Huyện Vân Canh	Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan	Năm 2024	Năm 2030			
5	Lập, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030	Huyện Vân Canh	Sở TNMT và các sở, ban, ngành	Năm 2025	Năm 2027			
6	Quy hoạch xây dựng vùng nguyên liệu chế biến trồng rừng gỗ lớn huyện Vân Canh	Huyện Vân Canh	Sở Nông nghiệp và các sở, ngành	Năm 2025	Năm 2030			
7	Quy hoạch và xây dựng khu dịch vụ hậu cần Logistics thuộc Khu đô thị, dịch vụ Canh Vinh (phân khu 08), Khu kinh tế Nhơn Hội	BQL Khu kinh tế	Huyện Vân Canh và các sở, ngành liên quan	Năm 2026	Năm 2027			
8	Quy hoạch xây dựng mới CCN Canh Hiệp 1, CCN Canh Vinh 1, CCN Canh Vinh 2	Huyện Vân Canh	Sở Công Thương và các sở, ngành, địa phương	Năm 2026	Năm 2030			
9	Quy hoạch và xây dựng Khu công nghiệp Vân Canh	BQL Khu kinh tế	Huyện Vân Canh và các sở, ngành liên quan	Năm 2026	Năm 2030	Năm 2026-2028 trình TTCP chấp thuận chủ trương đầu tư		

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành triển khai thực hiện các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các sở, ngành liên quan				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
XI	**Huyện Vĩnh Thạnh**							
1	Mở rộng CCN Tà Súc	Huyện Vĩnh Thạnh	Sở Công Thương và các sở ngành có liên quan	Năm 2024	Năm 2025			
2	Lập, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030	Huyện Vĩnh Thạnh	Sở TNMT và các sở, ban, ngành	Năm 2025	Năm 2027			
3	Bảo tồn, duy trì vốn rừng, các khu vực rừng phòng hộ, phát triển du lịch bảo tồn, du lịch sinh thái, nghiên cứu môi trường tự nhiên	Huyện Vĩnh Thạnh	Sở NNPTNT và các sở, ngành				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
4	Phát triển vùng nông, lâm nghiệp làm nguyên liệu cho phát triển công nghiệp chế biến của tỉnh	Huyện Vĩnh Thạnh	Sở NNPTNT và các sở, ngành				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
5	Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành triển khai thực hiện các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các sở, ngành liên quan				Định kỳ hằng năm, 5 năm	
6	Triển khai thực hiện các dự án trọng tâm							
-	Xây dựng Bãi xử lý chất thải rắn sinh hoạt huyện Vĩnh Thạnh	Huyện Vĩnh Thạnh	Sở KHĐT, XD, TNMT và các sở ngành liên quan	Năm 2024	Năm 2030			

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện				Ghi chú
				Nhiệm vụ cá biệt			Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ	
				Thời gian bắt đầu triển khai	Thời gian hoàn thành	Phân kỳ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
-	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Huyện Vĩnh Thạnh	Sở Y tế, Sở KHĐT và các đơn vị liên quan	Năm 2028	Năm 2030			

Ghi chú: Đối với các dự án không thuộc danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư trong Quy hoạch tỉnh thì thực hiện theo các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng huy động nguồn lực triển khai thực hiện

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 193 /KH-UBND	*Bình Định, ngày 15 tháng 11 năm 2024*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Căn cứ Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

UBND tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, với các nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố để tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện nhằm cụ thể hóa các định hướng quy hoạch các ngành, lĩnh vực trong Quy hoạch tỉnh.

II. NỘI DUNG

1. Về việc hoàn thiện đồng bộ hệ thống quy hoạch liên quan:

Giao các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, rà soát các quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch xây dựng; các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

- Tiếp tục rà soát bãi bỏ các quy hoạch, nội dung trong quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng, hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn tỉnh theo quy định tại

điểm đ, khoản 1, Điều 59 của Luật Quy hoạch (nếu có). Chủ động nghiên cứu xây dựng các đề án thay thế (nếu cần thiết) để đảm bảo duy trì ổn định công tác quản lý nhà nước và định hướng phát triển của tỉnh. Quá trình triển khai, tuyệt đối không được phát sinh thêm các thủ tục hành chính, gây khó khăn trong quá trình thực hiện, hoặc cố tình kéo dài việc triển khai các nội dung đã được cụ thể trong Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 và Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm trước quy định pháp luật, UBND tỉnh nếu phát sinh các vấn đề trên.

- Theo dõi, nghiên cứu nội dung các Quy hoạch ngành quốc gia, các quy hoạch cấp trên có liên quan đến Quy hoạch tỉnh; chủ động phát hiện các nội dung mâu thuẫn, tham mưu đề xuất việc điều chỉnh đảm bảo quy hoạch cấp dưới phù hợp với quy hoạch cấp trên theo quy định**.**

2. Về trách nhiệm theo dõi, triển khai các nội dung trong Quy hoạch tỉnh và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh:

Yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 và Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ; chịu trách nhiệm chủ trì triển khai, theo dõi, báo cáo, tham gia ý kiến về sự phù hợp của các chương trình, dự án, đề án, quy hoạch, kế hoạch… trên địa bàn tỉnh đối với các nội dung tương ứng trong Quy hoạch tỉnh.

- Cụ thể hóa các nội dung của Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 và Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ trong quá trình xây dựng kế hoạch 5 năm, hàng năm của đơn vị đảm bảo hoàn thành các mục tiêu phát triển của tỉnh trong kỳ quy hoạch.

- Trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, chủ động thực hiện theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND tỉnh các giải pháp để triển khai các nhiệm vụ phát sinh trong kỳ quy hoạch.

(Chi tiết nhiệm vụ, dự án trọng tâm của các sở, ban, ngành, địa phương tại phụ lục kèm theo).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện. Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này và kết quả thực hiện Quy hoạch tỉnh về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 10 tháng 10 hằng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ tình hình thực tế, các sở, ban, ngành, địa phương nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo đề xuất UBND tỉnh để xem xét, giải quyết theo quy định.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch này, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ+CV VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K14.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Phạm Anh Tuấn